

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028 3820.7795
Fax: 028 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 028 3820.7795 (109)
Fax: 028 3820.7794
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2019 tại đường dẫn www.shp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Đính kèm:
BCTN năm 2018

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

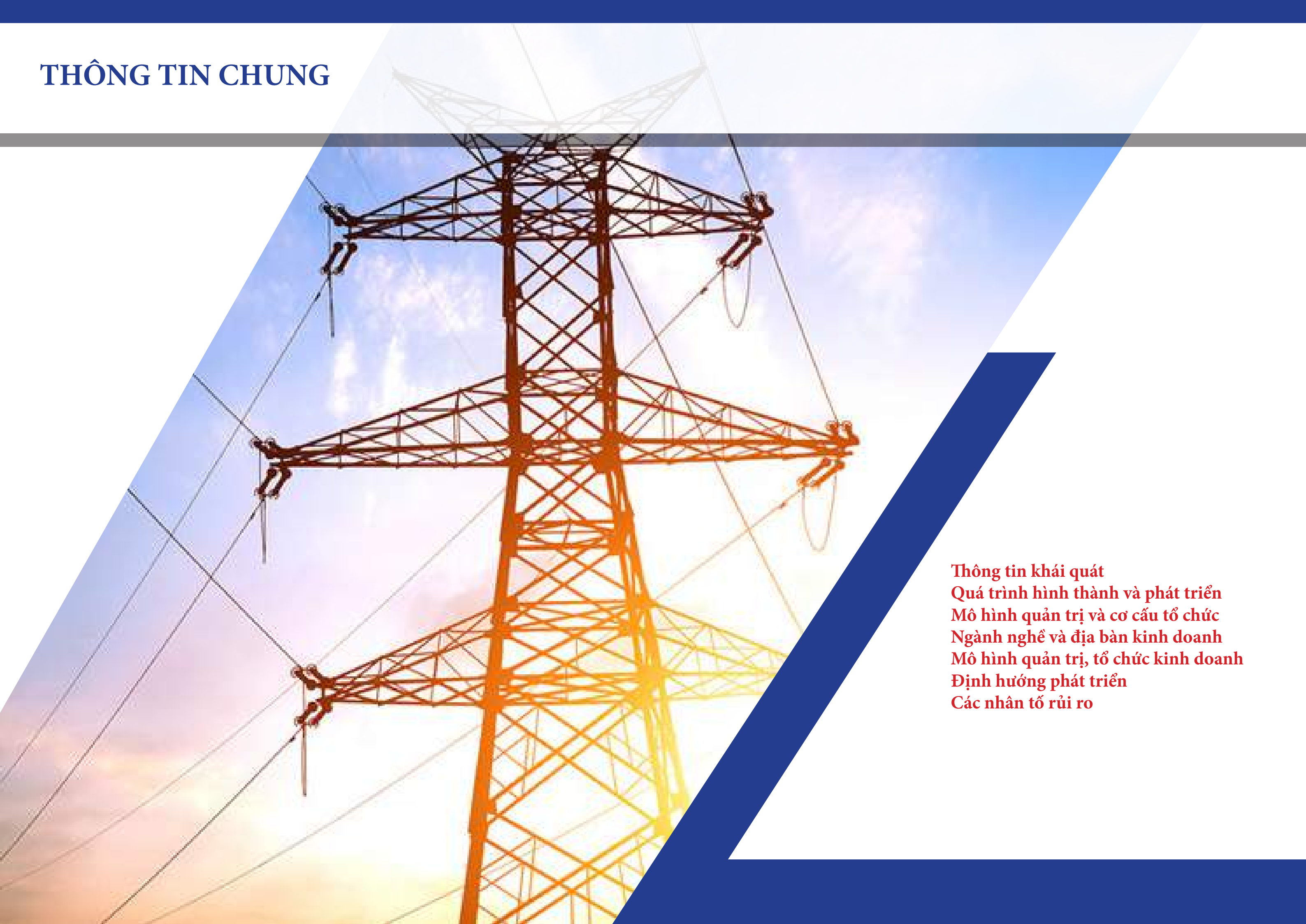
MỤC LỤC



04	THÔNG TIN CHUNG
06	THÔNG TIN KHÁI QUÁT
08	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
10	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ
11	CƠ CẤU TỔ CHỨC
12	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
13	ĐỊA BÀN KINH DOANH
14	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
15	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO
18	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
20	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
23	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
24	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
27	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
28	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
30	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
32	THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH
34	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
36	TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	38
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	48
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	50
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	51
NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2018	52
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	54
CĂN CỨ ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH	56
GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	57
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	58
ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	60
ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	61
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	61
QUẢN TRỊ CÔNG TY	62
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	64
BAN KIỂM SOÁT	67
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	68
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
Định hướng phát triển
Các nhân tố rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	0303416670 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/05/2018 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Vốn điều lệ đăng ký:	937.102.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	937.102.000.000 đồng
Địa chỉ:	P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(028) 3820 7795
Số fax:	(028) 3820 7794
Website:	www.shp.vn
Mã cổ phiếu:	SHP
Logo Công ty:	

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 2004: Công ty chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

Năm 2009: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 937.102.000.000 đồng.

Năm 2012: Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 937.102.000.000 đồng.

Năm 2006: Công ty thông qua kế hoạch đầu tư dự án thủy điện Đa M'بری. Công ty tăng vốn điều lệ lên 687 tỷ đồng.

Năm 2010: Nhà máy Đa Siat công suất 13,5 MW đi vào vận hành phát điện tháng 01/2010.

Ngày 10/09/2010: Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán SHP.

Tháng 10/2010: Nhà máy Đa Dâng 2 công suất 34 MW đi vào vận hành phát điện.

Năm 2014: Nhà máy Đa M'بری công suất 75MW đi vào vận hành phát điện tháng 01/2014. Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs. Sản lượng phát điện đạt mốc 1 tỷ kWh điện. Cổ phiếu của Công ty chuyển sang niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015: Nhà máy thủy điện Đa M'بری chính thức có tên trong danh sách các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

Năm 2016: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8.

Năm 2017: Ba nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'بری đạt kỷ lục về sản lượng điện sản xuất được. Tổng sản lượng điện cả ba nhà máy 708,36 triệu kWh.

Năm 2018: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/05/2018.

Mô hình quản trị



Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

- Địa chỉ: P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3820 7795
- Fax: (028) 3820 7794
- Vốn điều lệ: 937.102.000.000 VNĐ

Chi nhánh Lâm Đồng

- Địa chỉ: 51A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng.
- Điện thoại: (0263) 3711 171
- Fax: (0263) 3720 177

Nhà máy thủy điện Đa Siat

- Vị trí: tại thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Công suất: 13,5MW

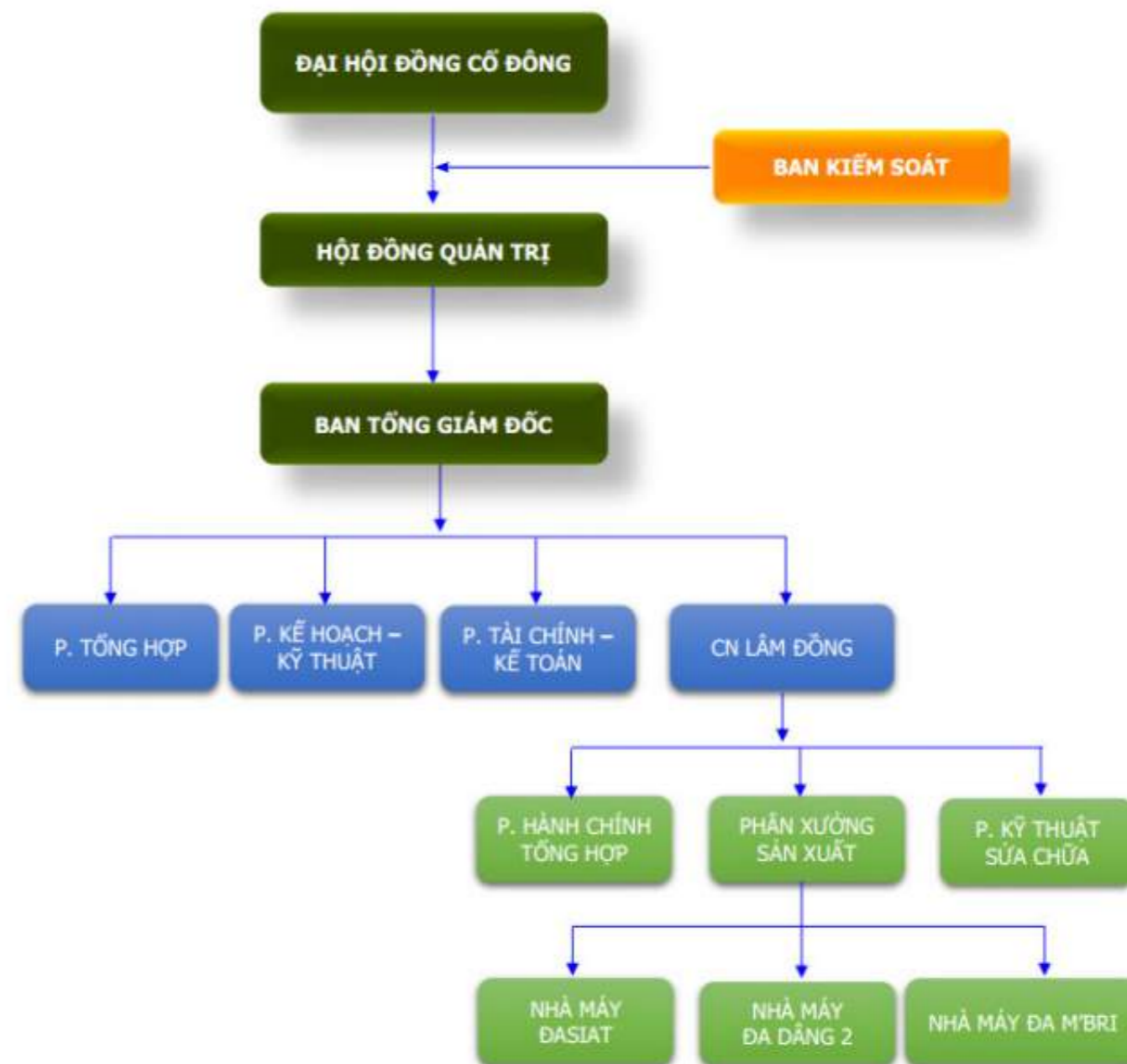
Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

- Vị trí: tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Công suất: 34MW

Nhà máy thủy điện Đa M'bri

- Vị trí: nằm trên địa bàn xã Lộc Tân – huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc – huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải – huyện Đa Tềh tỉnh Lâm Đồng.
- Công suất: 75MW

Cơ cấu tổ chức





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Kiểm định thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo nghề;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Địa bàn hoạt động

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có 3 nhà máy điện đang hoạt động thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng, khí hậu nơi đây được chia thành 2 mùa riêng biệt là mùa mưa (từ tháng 5 tới tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4). Khu vực này lượng mưa cao và tương đối ổn định. Cả 3 nhà máy đều nằm gần thượng nguồn các dòng sông/suối, nơi cung cấp nguồn nước lớn cho nhà máy hoạt động.

Đa Siat

Công trình Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên dòng chính suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai. Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 6 năm 2005, địa điểm công trình tại thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, có công suất lắp đặt 13,5MW, sản lượng điện bình quân hàng năm đạt khoảng 60 triệu kWh, tổng mức vốn đầu tư sau quyết toán là 339 tỷ đồng.



Đa Dâng 2

Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng, là nhánh chính ở thượng nguồn bờ phải sông Đồng Nai, thuộc địa bàn xã Tân Thành được khởi công xây dựng từ đầu năm 2008 với vốn đầu tư sau quyết toán là 498 tỷ đồng; công suất lắp máy 34MW, đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây 110KV, sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 152 triệu kWh. Nhà máy có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 04 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông đổ và sông Đồng Nai.



Đa M'بری

Nhà máy Thủy điện Đa M'بری được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'بری nằm trên địa bàn của 3 xã là xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đạ Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Đây là nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết theo năm, đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây mạch kép 110 KV, công suất 75 MW với sản lượng bình quân hàng năm 338,2 triệu Kwh, tổng mức vốn đầu tư sau quyết toán là 2.418 tỷ đồng.





Mục tiêu chủ yếu

- Phát triển SHP thành một nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo tại Việt Nam với trọng tâm đầu tư nguồn năng lượng thủy điện, gió, mặt trời nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo vệ môi trường.
- Góp phần đáp ứng nhu cầu về điện đảm bảo an ninh năng lượng, đồng thời góp phần cho sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và khu vực miền Nam nói riêng.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, đầu tư cho khoa học – công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Tạo lập một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho mục tiêu chung của Công ty.
- Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'abri. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và tận dụng lượng nước về để sản xuất điện.



Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Tích cực tham gia trồng rừng, tái tạo lại đất, thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường trong lưu trữ và xử lý chất thải tại khu vực nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'abri theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học, hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, khó khăn, đặc biệt các hộ đồng bào dân tộc tại các huyện, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như Đa Huoai, Bảo Lâm, Lộc Tân, Đa M'abri,...



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tìm kiếm tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ.
- Đầu tư nguồn năng lượng sạch khác như năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong năm 2018 vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định và đạt được những con số ấn tượng. GDP tăng tương 7,08%, các điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát thành công ở mức 3,54% là những điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có SHP. Bên cạnh đó, cơ hội lớn từ các FTA (Hiệp định thương mại tự do) thế hệ mới mang lại sẽ mở rộng thị trường nhờ cắt giảm thuế và dỡ bỏ rào cản thương mại để hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Điều này sẽ thúc đẩy hoạt động sản xuất, phân phối, vận hành của các nhà máy trong nước, từ đó nâng cao tổng cầu năng lượng, đặc biệt là điện trong thời gian tới.

Theo tính toán của EVN, tốc độ tăng nhu cầu điện ở Việt Nam hiện nay là 10%/năm sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy điện. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, tổng cầu hàng hóa giảm kéo theo nhu cầu sử dụng năng lượng cho hoạt động sản xuất cũng giảm theo, gây ảnh hưởng đến ngành Thủy điện. Tuy nhiên, là công ty hoạt động trong ngành thủy điện là ngành cung cấp đầu vào thiết yếu cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt thì SHP ít chịu tác động từ các sự kiện kinh tế.



Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố quan trọng của nền kinh tế vĩ mô và có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên thị trường, trong đó có SHP. Trong những năm qua, tình hình biến động lãi suất ở Việt Nam tương đối ổn định nhờ những công cụ thị trường mở linh hoạt của Nhà nước nhằm tránh các tác động mạnh từ tỷ giá và lạm phát. Tuy nhiên, các bất ổn xuất phát từ thị trường kinh tế vĩ mô cùng những gia tăng trong giá dầu có thể sẽ gây áp lực gia tăng lên lãi suất cho vay tại các ngân hàng, điều này sẽ gây tác động đến kết quả kinh doanh của SHP. Vì vậy, SHP quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đất đai, các quy định về môi trường và các văn bản luật liên quan khác. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư cũng như được ưu đãi về thuế nếu có hoạt động tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về điều kiện thời tiết

Thủy điện là một trong số ít ngành nghề sản xuất kinh doanh phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện thời tiết, cụ thể là lượng nước mưa. Sản lượng điện sản xuất và hiệu quả hoạt động của các nhà máy phụ thuộc vào nguồn nước chảy vào các hồ chứa. Trong trường hợp xảy ra hạn hán kéo dài dẫn đến lượng mưa giảm sẽ khiến sản lượng điện sản xuất giảm làm giảm doanh thu và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về các công trình đập của các nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và làm tăng chi phí sửa chữa.

Đối với SHP, Quý I là thời gian cao điểm mùa khô nên sản lượng thường thấp nhất năm. Trong khi quý III là quý đóng góp sản lượng điện cả năm do mùa mưa ở Tây Nguyên bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc trong khoảng tháng 11. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động khá lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Dự báo về tình hình thời tiết diễn ra trong năm 2019 sẽ không thuận lợi, dẫn đến nhiều thách thức cho SHP trong quá trình hoạt động. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng nhằm đảm bảo sản lượng sản xuất trong trường hợp xấu nhất và hạn chế tối đa những chi phí phát sinh. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, phương án bảo vệ an toàn đập, phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Rủi ro về an toàn lao động

Trong công tác vận hành nhà máy thủy điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc. Thực hiện xây dựng và tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành. Có hệ thống đảm bảo ngăn ngừa sự cố hoặc tai nạn xảy ra.

Rủi ro độc quyền

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP chịu sự ràng buộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong chiến lược đầu tư, phát triển như:

- Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN gặp nhiều khó khăn, thường kéo dài qua nhiều khâu.
- Giá bán điện phụ thuộc vào tình hình tài chính của EVN, do đó xuất hiện nguy cơ giá bán điện do EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi.
- Việc độc quyền của EVN ít nhiều gây hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành điện, do đó gây ảnh hưởng cho việc phát triển ngành điện, vốn yêu cầu chi phí đầu tư rất lớn.
- Ngoài ra việc Công ty được Trung tâm điều độ A0 xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm, thấp điểm hay giờ bình thường, quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động Công ty còn đối mặt với những rủi ro mang tính khách quan khác như: rủi ro hỏa hoạn... mà hậu quả sẽ gây ra thiệt hại lớn đến hiệu quả kinh doanh của SHP.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông

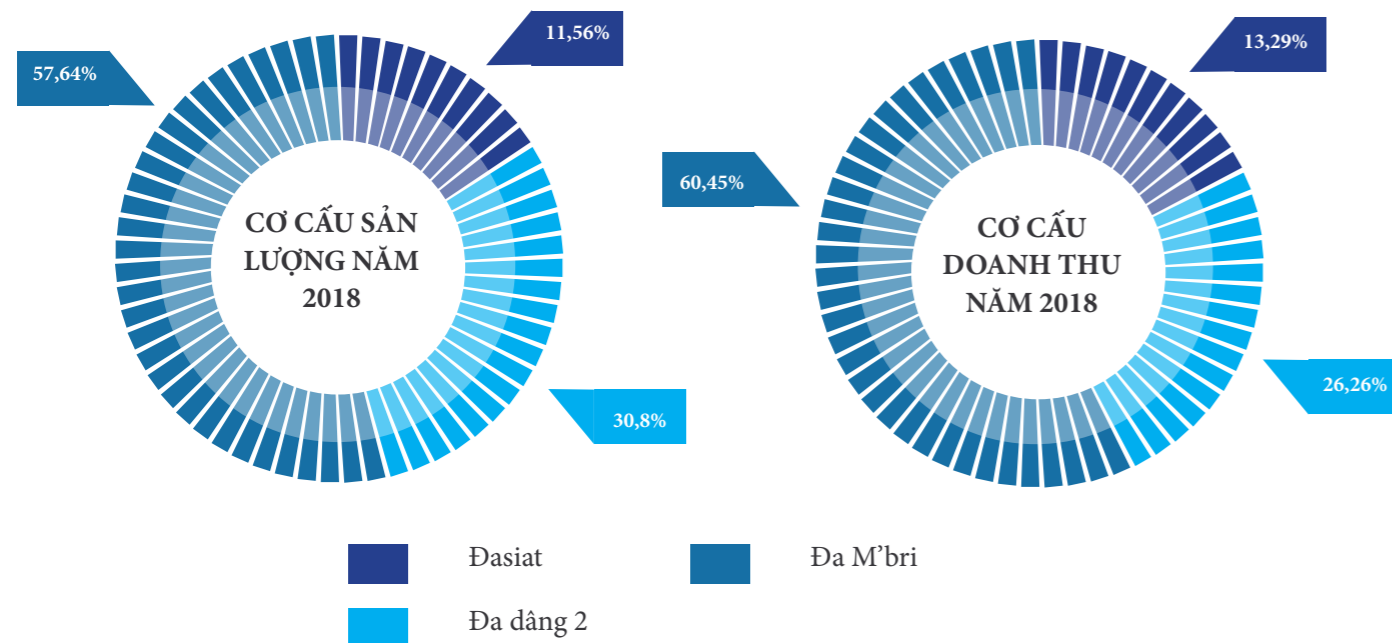
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sản lượng điện sản xuất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	KH 2018	TH 2018/2017	TH/KH 2918
1	Đasiat	Triệu kWh	76,5	73,6	67,0	96,2%	109,9%
2	Đa Dâng 2	Triệu kWh	225,9	196,1	185,0	86,8%	106,0%
3	Đa M'bri	Triệu kWh	405,9	366,9	362,0	90,4%	101,4%
Tổng cộng		Triệu kWh	708,3	636,6	614,0	89,9%	103,7%

Doanh thu thực hiện ba nhà máy

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	KH 2018	TH 2018/2017	TH/KH 2918
1	Đasiat	Tỷ đồng	82,5	82,3	73,0	99,8%	112,7%
2	Đa Dâng 2	Tỷ đồng	166,5	162,6	141,0	97,7%	115,3%
3	Đa M'bri	Tỷ đồng	367,9	374,4	376,0	101,8%	99,6%
Tổng cộng		Tỷ đồng	616,9	619,3	590,0	100,4%	105,0%



Hoạt động sản xuất tại các nhà máy

Bước vào năm 2018, tình hình thủy văn không thuận lợi hạn hán cũng đến sớm hơn các năm trước, mưa lũ lớn hơn đã làm ngập lụt hạ du. Mặc dù hạn hán đến sớm, nhưng tính chung cả năm, nước về các hồ vẫn cao hơn số liệu thiết kế, sản lượng điện phát 3 nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

Nhà máy Đasiat:

Sản lượng điện thực hiện 73,6 triệu kWh, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 109,9% kế hoạch 2018. Doanh thu thực hiện 82,3 tỷ đồng, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 112,7% kế hoạch 2018.

Nhà máy Đa Dâng 2:

Sản lượng điện thực hiện 196,1 triệu kWh giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 106,0% kế hoạch. Doanh thu thực hiện 162,6 tỷ đồng giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 115,3% kế hoạch.

Nhà máy Đa M'Bri:

Sản lượng điện thực hiện 366,9 triệu kWh giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 101,4% kế hoạch. Doanh thu thực hiện 374,4 tỷ đồng tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 99,6% kế hoạch.

Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018
1	Chi phí vật liệu, công cụ	Tỷ đồng	3,46	2,45
2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	42,51	44,14
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	187,25	184,80
4	Chi phí thuế tài nguyên	Tỷ đồng	57,65	54,76
5	Phí dịch vụ môi trường rừng	Tỷ đồng	14,82	22,92
6	Chi phí khác	Tỷ đồng	22,17	24,11
Tổng chi phí sản xuất		Tỷ đồng	327,86	333,18

Chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí khấu hao tài sản cố định, chiếm bình quân 50% - 60% tổng chi phí, do ngành thủy điện là ngành có yêu cầu cao về thiết bị sản xuất và nhà xưởng, đặc biệt là các chi phí xây dựng cơ bản. Hiện nay, các tài sản cố định của SHP đều được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tổng chi phí khấu hao hàng năm khá ổn định và ít có sự biến động. Ba nhà máy của SHP đều là những nhà máy có tuổi đời khá trẻ trong ngành; do đó máy móc, thiết bị mới cũng là ưu thế giúp các nhà máy của SHP có số giờ hoạt động bình quân cao, tiết kiệm được chi phí và thời gian bảo dưỡng.

Khoản chi phí lớn thứ hai trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty là chi phí thuế tài nguyên. Khoản chi này tương đương 17,58% trong năm 2017 và 16,43% trong năm 2018.

Chi phí nhân công cũng chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu chi phí của SHP, tương ứng khoảng 13,24% tổng chi phí trong năm 2018.

Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện ĐamBri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2024. Tổng số tiền được miễn là 7.108.898.126 đồng). Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2025. Tổng số tiền được miễn là 4.816.953.092 đồng.

Kết quả kinh doanh của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	KH 2018	TH 2018/2017	TH/KH 2018
1	Sản lượng	Triệu kWh	708,3	636,6	614,0	89,9%	103,7%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	616,9	619,3	590,0	100,4%	105,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	191,7	197,5	163,6	103,0%	120,7%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	185,3	187,5	155,4	101,2%	120,7%

Tổng sản lượng phát điện năm 2018 là 636,6 triệu kWh giảm 10,1% so với cùng kỳ năm 2017, vượt 3,7% kế hoạch năm 2018.

Doanh thu thuần năm 2018 là 619,3 tỷ đồng tăng 0,4% so với năm 2017 và vượt 4,9% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 197,5 tỷ đồng, tương đương 103,0% so với cùng kỳ năm trước và bằng 120,7% kế hoạch năm 2018.

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 187,5 tỷ đồng, tương đương 101,2% so với cùng kỳ năm 2017 và bằng 120,7% kế hoạch năm 2018.

Kết quả kinh doanh của công ty năm 2018 dựa trên kết quả sản xuất tổng hợp của 03 nhà máy mà SHP đang quản lý. Nhìn chung, do điều kiện thời tiết không thuận lợi, tình hình sản xuất điện tại 3 nhà máy có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2017. Tuy nhiên giá bán điện bình quân tại các nhà máy đều tăng; bên cạnh đó nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên SHP trong việc kiểm soát chặt các chi phí, dẫn đến các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2018 đều có sự tăng trưởng so với năm 2017.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công tác sửa chữa, đầu tư, trung đại tu các nhà máy

Nhà máy Đa M' Bri

- Hoàn tất đại tu tổ máy H1
- Hoàn tất tiểu tu tổ máy H2 kết hợp kiểm tra Cửa van Cửa nhận nước nhà máy.
- Thay thế các bộ trao đổi nhiệt
- Cải tạo mạch trip máy cắt 110kV
- Xử lý cách điện vành góp rotor tổ máy H2
- Lắp đặt hệ thống camera giám sát.

Nhà máy Đa Dâng 2

- Hoàn tất trùng tu tổ máy H2 của nhà máy Đa Dâng 2
- Thay thế hệ thống Accu nhà máy Đa Dâng 2
- Cải tạo mạch trip máy cắt đầu cực
- Lắp đặt hệ thống camera giám sát

Nhà máy Đa Siat

- Hoàn tất tiểu tu tổ máy H1 Đa Siat
- Hoàn tất đại tu tổ máy H2 và sửa chữa 2 van cầu nhà máy Đa Siat
- Thay thế bộ làm mát gió máy phát H2 Đa Siat
- Cải tạo hệ thống tự dùng 0,4 kV Đa Siat
- Cải tạo hệ thống điều khiển van bướm
- Thay bánh xe công tác H2
- Cải tạo mạch trip máy cắt đầu cực
- Lắp đặt hệ thống điều khiển, giám sát các ngăn lộ tại trạm Đăk Nông để chuyển sang chế độ không người trực
- Lắp đặt hệ thống SCADA nhà máy đến công ty Điện lực Đăk Nông và Tổng công ty Điện lực Miền Trung
- Kiểm tra bảo trì đường dây 22 kV nhà máy Đa Siat (thực hiện vào các ngày chủ nhật)

Các hạng mục xây dựng

- Hoàn tất công tác sơn bên ngoài đường ống áp lực nhà máy Đa Dâng 2.
- Hoàn thành gói thầu nâng cấp đường giao thông Đa Siat và Đa M' bri.
- Kiểm tra đường hầm Đa M' bri sau 04 năm vận hành.
- Xây dựng nhà xưởng cơ khí tại nhà máy Đa M' bri.
- Sửa chữa chống dột mái tôn nhà máy Đa Dâng 2, Đa Siat.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

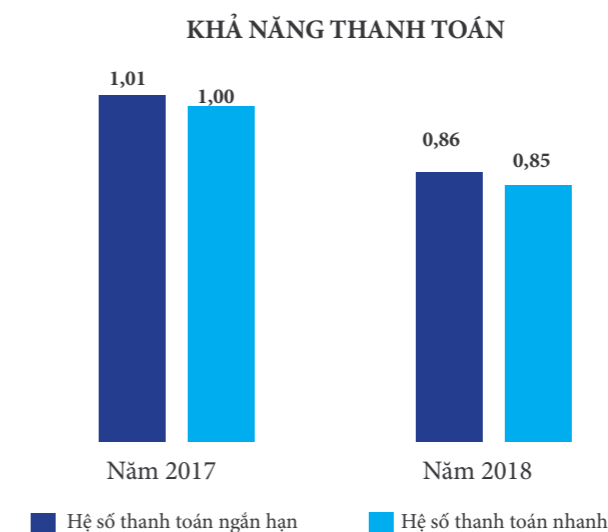
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.473	2.312	(6,50)
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	616,96	619,29	0,38
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	192,43	197,25	2,50
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(0,77)	0,19	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	191,66	197,45	3,02
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	185,25	187,52	1,22
7	EPS	Đồng	1.859	1.884	1,34

Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,74	1,01	0,86
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69	1,00	0,85
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	55,50	50,79	46,62
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	124,73	103,20	87,34
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	32,28	40,68	214,02
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,19	0,24	0,26
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	19,12	30,03	30,28
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	8,33	15,47	15,30
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,71	7,24	7,84
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	19,81	31,19	31,85

Khả năng thanh toán

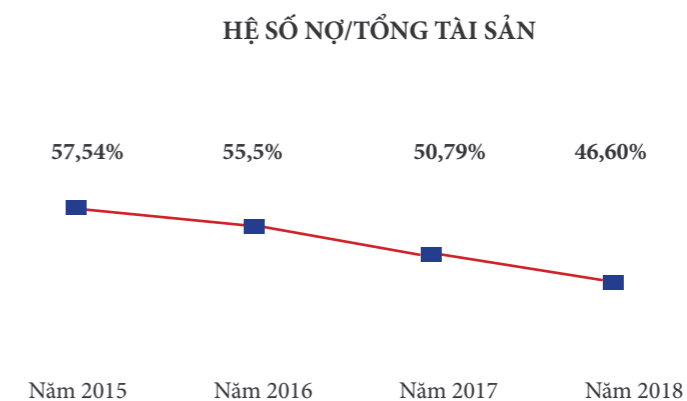
Các chỉ số về khả năng thanh toán đều có xu hướng giảm trong năm 2018, cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,01 xuống 0,86 và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,00 xuống 0,85. Nguyên nhân là do cả hai khoản mục tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng so với năm trước, trong đó sự biến động của tài sản ngắn hạn (tăng 6,14%) nhỏ hơn so với sự biến động của nợ ngắn hạn (tăng 25,23%). Tuy nhiên, việc giữ được hệ số ổn định trong những năm qua cho thấy Công ty vẫn có thể đảm bảo được các khoản nợ ngắn hạn của mình ở mức an toàn.



Cơ cấu vốn

Tổng nợ phải trả của SHP tại thời điểm 31/12/2018 là 1.078,03 tỷ đồng giảm 14,17% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, nợ vay dài hạn của SHP đã giảm từ 1.017,5 tỷ đồng xuống chỉ còn 779,36 tỷ đồng. Trong những năm trước, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng tăng nợ vay để đầu tư cho dự án Đa M'بری. Tuy nhiên trong khoảng 05 năm gần đây, nhà máy Đa M'بری và 02 nhà máy còn lại đã đi vào hoạt động ổn định và hiệu quả do đó các hệ số về đòn bẩy tài chính của SHP đều có xu hướng giảm. Tại thời điểm 31/12/2018 nợ phải trả chiếm 46,62% tổng tài sản, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

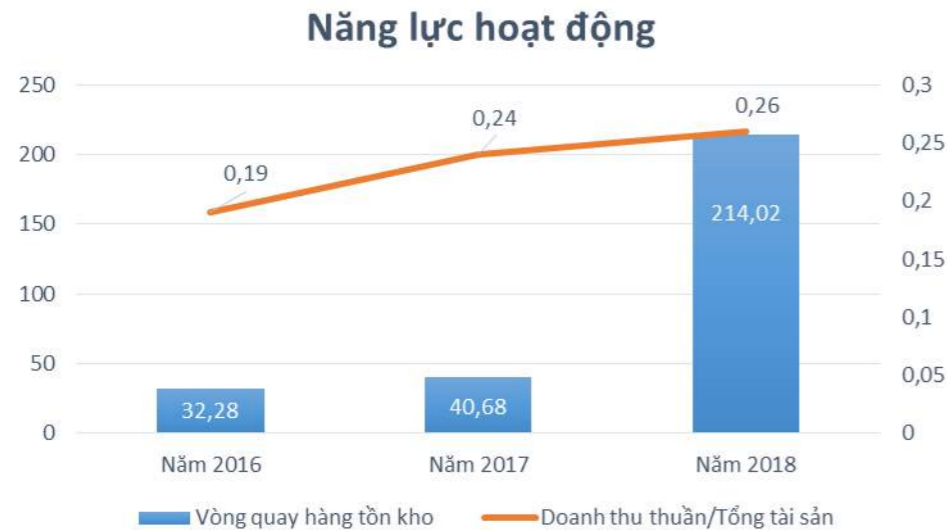
Vốn chủ sở hữu của SHP trong năm 2018 đạt 1.234 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,4% so với năm 2017. Sự biến động trong Vốn chủ sở hữu của SHP rất ít do Công ty luôn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông ổn định trong những năm qua.



Năng lực hoạt động

Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản.

Đây là đặc trưng của các doanh nghiệp thủy điện nói chung, tỷ trọng tài sản dài hạn trong cơ cấu tài sản của SHP tương đối lớn (khoảng 88,95% so với tổng tài sản). Ở thời điểm hiện tại, 03 nhà máy của SHP đều hoạt động ổn định, nên chỉ số doanh thu thuần/tổng tài sản có sự cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước, cụ thể tăng từ 0,24 lên 0,26 lần.

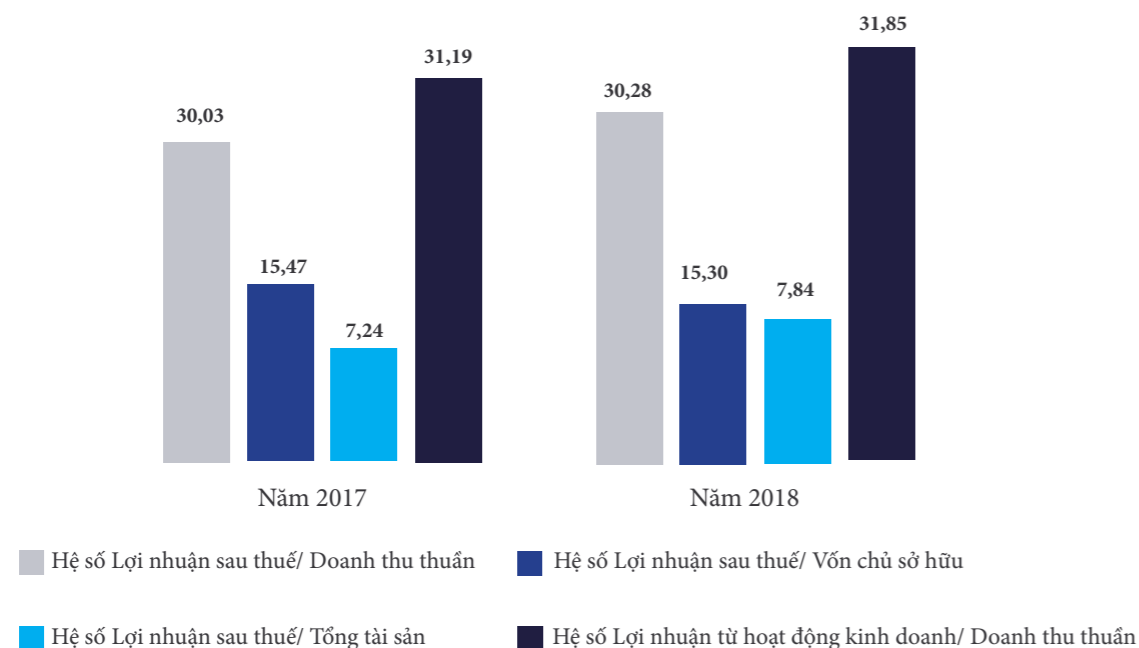


Khả năng sinh lời

Các hệ số về hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHP đều đạt mức khá cao, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của SHP trong năm có xu hướng tăng nhẹ và ổn định trong nhiều năm qua. Cụ thể Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 30,28%, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 31,85%. ROA và ROE đạt lần lượt 7,84% và 15,30%.

Đây là đặc điểm chung của những doanh nghiệp thủy điện, khi chi phí phát sinh sẽ cao ở những năm đầu hoạt động do những khoản đầu tư vào các nhà máy. Tuy nhiên những năm tiếp theo, khi chi phí khấu hao và chi phí lãi vay giảm dần, trong khi sản lượng phát điện cao và ổn định sẽ giúp các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty được cải thiện theo thời gian.

HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Cổ phần

Vốn điều lệ: 937.102.000.000 đồng
 Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 93.710.200 cổ phiếu
 Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 • Cổ phiếu thường: 93.710.200 cổ phiếu
 • Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 93.710.200 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 28/12/2018)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.297	89.081.316	95,06%
a	Tổ chức	23	71.247.588	76,03%
	Cổ đông lớn	2	56.024.848	59,79%
	Cổ đông khác	21	15.222.740	16,24%
b	Cá nhân	3.274	17.833.728	19,03%
2	Cổ đông nước ngoài	22	4.628.884	4,94%
a	Tổ chức	4	4.530.884	4,83%
b	Cá nhân	18	98.000	0,10%
	Tổng cộng	3.319	93.710.200	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban Điều hành
Thành viên Ban Kiểm soát
Tình hình nhân sự



Ô. ĐOÀN ĐỨC HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ô. NGUYỄN VĂN THỊNH
Thành viên Hội đồng quản trị

Ô. LÊ TUẤN HẢI
Thành viên Hội đồng quản trị

Ô. NGUYỄN VĂN DẠNG
Thành viên Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Đức Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	15/03/1968
Địa chỉ thường trú	Số 505 Huỳnh Châu Sổ, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
1991 - 1994	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh Điện Bến Lức, Sở điện lực Long An
1995 - 1997	Trưởng phòng HC-TC-LĐ Điện lực Tỉnh Long An
1998 - 2013	Phó Giám Đốc kỹ thuật Công ty Điện lực Tỉnh Long An
2014 - 2017	Phó Giám Đốc Kinh doanh Công ty Điện lực Long An
2018 - nay	Trưởng Ban Kinh doanh - Tổng công ty Điện lực Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	1.342 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,001% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	18/01/1955
Địa chỉ thường trú	Căn hộ D2, Chung cư Thế hệ mới, 17 Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện
Quá trình công tác	
1976 - 1981	Sở Công thương Sông Bé
1981 - 1998	Công ty Điện lực Đồng Nai
1998 - 2007	Trưởng phòng Quản lý xây dựng Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
2007 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	275.000 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,29 % vốn điều lệ

Ông Lê Xuân Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	04/04/1966
Địa chỉ thường trú	6.21 CC Vạn Đò, số 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
1986 - 2010	Trưởng Phòng Tổ chức & Nhân sự - tại Công ty Điện lực Bến Tre
2010 - 2015	Phó Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực miền Nam
2015 - nay	Trưởng Ban Tổ chức & Nhân sự - Tổng công ty Điện lực miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Danh - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	06/01/1976
Địa chỉ thường trú	41/12 Phan Đình Phùng, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán kiểm toán; Cử nhân QTKD Quốc tế
Quá trình công tác	
2001-2006	Thành viên BKS - Công ty CP Xây lắp Điện
2003-2010	Cán bộ Tổ Kiểm toán nội bộ, TCKT - Công ty Điện lực 2 (Tổng công ty Điện lực Miền Nam)
2011-2013	Cán bộ Văn phòng kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Miền Nam
2014- tháng 05/2017	Cán bộ, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Điện lực Miền Nam
Tháng 06/2017 - nay	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát Tài chính - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	2.480 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,003 % vốn điều lệ

Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	08/04/1970
Địa chỉ thường trú	137/3 Đường 59, Phường 14, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hệ thống điện
Quá trình công tác	
01/2008 - 12/2008	Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng Quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN)
01/2009 - 03/2011	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng Quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN)
01/11/2013 - 28/09/2015	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - ĐaMi
01/03/2006 - nay	Giám đốc kỹ thuật ngành điện - Công ty CP Cơ Điện lạnh (REE)
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0% vốn điều lệ

BAN ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu của Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thành Tú Anh	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Ông Thang Thanh Hà - Tổng giám đốc

Năm sinh	25/02/1962
Nơi sinh	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 6/10 Cư Xá Nguyễn Siêu, quận 1, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện

Quá trình công tác

1987 - 1993	Kỹ sư Công ty tư vấn điện 3
1994 - 2015	Trưởng Ban Thanh tra bảo vệ Tổng công ty Miền Nam
2012 - 2014	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
2014 - 2016	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Tháng 07/2018 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	7.600 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,0081% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Vĩnh Châu – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	10/08/1961
Nơi sinh	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	30/11D Phan Huy Ích, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác

2005-2007	Trưởng phòng thẩm định chế độ dự toán ban quản lý đầu tư xây dựng thủy lợi 10
2007 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	93.250 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,1% vốn điều lệ



Bà Nguyễn Thành Tú Anh – Kế toán trưởng

Năm sinh	11/05/1977
Nơi sinh	Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú	158/32 Nguyễn Văn Đậu, Phường 7, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

2002-2004	Công tác tại phòng kế toán tài chính Công ty điện lực 2
2004 - nay	Kế toán trưởng CTCP Thủy điện Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0% vốn điều lệ

Thay đổi trong Ban điều hành

- Căn cứ vào Quyết định số 39 ngày 29/06/2018 của HĐQT, kể từ ngày 01/07/2018, miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn Thịnh chức danh Tổng Giám đốc.
- Căn cứ vào Quyết định số 40 ngày 29/06/2018 của HĐQT, kể từ ngày 01/07/2018, bổ nhiệm Ông Thang Thanh Hà giữ chức danh Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát

Ông Võ Thái - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	20/02/1972
Địa chỉ thường trú	77/13/47 Phạm Đăng Giảng, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
2008 - 2011	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bằng Hữu
2012 - 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo DVA
2014 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á – Phú Hưng Gia
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0% vốn điều lệ

Ông Hoàng Minh Dũng - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	01/12/1966
Địa chỉ thường trú	P.303 Cư xá Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
Quá trình công tác	
1987 - 1999	Cán bộ kế toán XN xây lắp điện, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
1999 - 2003	Cán bộ kế toán, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
2003 - 2007	Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
2008 - 2010	Kế toán trưởng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
Tháng 04/2010 - 04/2011	Kiểm soát viên, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tháng 05/2011 - nay	Kế toán trưởng, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	20.000 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,02% vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT

Bà Đỗ Thị Hải Âu - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	08/05/1966
Địa chỉ thường trú	876/2C CMT8, Phường 5, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
1992 - tháng 02/2002	Cán bộ kế toán Trung Tâm Thí nghiệm điện, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
01/03/2002 - 10/04/2007	Phó phòng TCKT Trung tâm thí nghiệm điện miền Nam, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực miền Nam)
11/04/2007 - nay	Chuyên viên Ban TCKT, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
01/01/2008 - tháng 04/2010	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Điện lực
27/4/2011 - 28/02/2014	Kiểm soát viên không chuyên trách, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tháng 04/2016 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0% vốn điều lệ



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2018

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	122	100
1	Nam	106	86,89
2	Nữ	16	13,11
II	Phân loại theo trình độ	122	100
1	Trình độ đại học, cao đẳng	80	65,57
2	Trình độ trung cấp	39	31,97
3	Trình độ lao động phổ thông	3	2,46
III	Phân loại theo tính chất lao động	122	100
1	Trực tiếp sản xuất	52	42,62
2	Không trực tiếp sản xuất	70	57,38
	Tổng cộng	122	100

Tình hình tăng, giảm lao động trong năm 2018

- Tổng số lao động đầu năm: 123 người.
- Lao động giảm trong năm: 09 người (trong đó: 01 người nghỉ hưu, 01 người mất vì bệnh, 07 người nghỉ việc theo nguyện vọng)
- Lao động tăng trong năm: 08 người
- Tổng số lao động cuối năm: 122 người

Chính sách với người lao động

- Về nâng bậc lương: Căn cứ Quy chế nâng bậc lương, trong năm 2018, công ty đã tổ chức thi nâng bậc và thực hiện xét nâng lương định kỳ cho 41 người lao động (trong đó có 37 lao động thuộc đối tượng phải thi nâng bậc lương) để nâng lương từ 01/01/2019.
- Từ 01/01/2018, Công ty áp dụng hệ thống thang bảng lương mới trên cơ sở điều chỉnh mức lương tối thiểu của Công ty. Hệ thống thang bảng lương mới đã được lấy ý kiến Công đoàn và đã đăng ký với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đã thực hiện việc chuyển xếp lương theo hệ thống thang bảng lương mới đã ban hành và điều chỉnh mức đóng các chế độ Bảo hiểm xã hội (BHXH) theo mức lương mới cho người lao động kể từ ngày 01/01/2018.
- Các chế độ Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản,...) của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, theo quy định với cơ quan bảo hiểm.
- Tất cả người lao động đều có cơ hội tham gia đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu công việc, yêu cầu của công tác quản lý và học tập để nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức đào tạo với tổng chi phí đã thực hiện là 330,5 triệu đồng, bao gồm: đào tạo về ngoại ngữ, về thị trường điện, đào tạo vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, đào tạo về thí nghiệm và đánh giá hệ thống điều khiển, bảo vệ theo tiêu chuẩn IEC 61850, về quản trị nhân sự, đào tạo tập sự cho nhân viên mới...



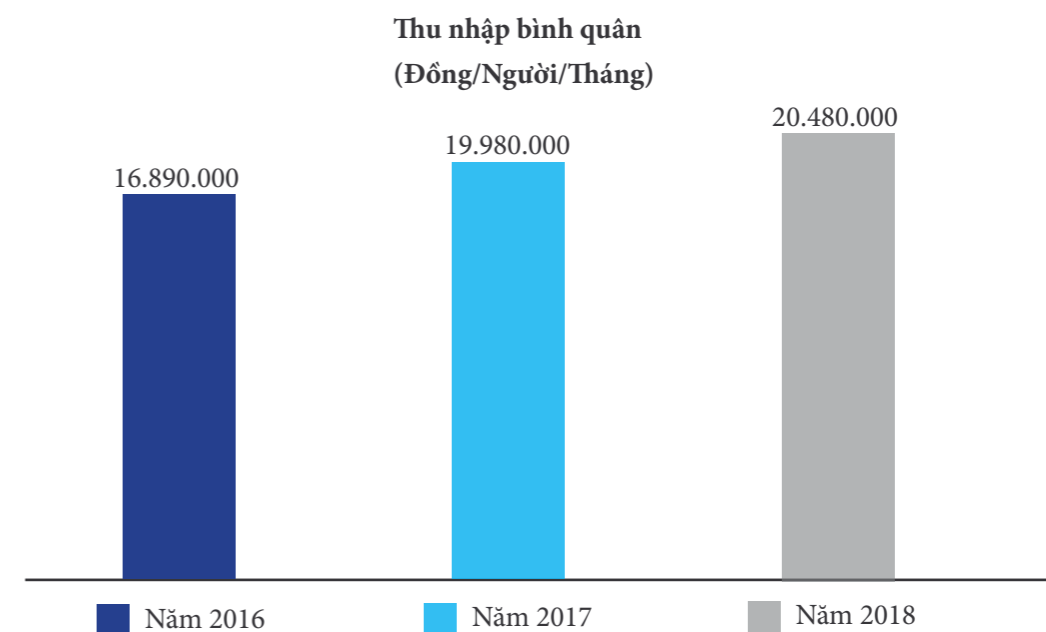
Tình hình thay đổi nhân sự

- Căn cứ vào Quyết định số 39 ngày 29/06/2018 của HĐQT, kể từ ngày 01/07/2018, miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn Thịnh chức danh Tổng Giám đốc.
- Căn cứ vào Quyết định số 40 ngày 29/06/2018 của HĐQT, kể từ ngày 01/07/2018, bổ nhiệm Ông Thang Thanh Hà giữ chức danh Tổng Giám đốc.

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Triệu Đồng/người/tháng	16,89	19,98	20,48

Thu nhập bình quân đầu người của Công ty nhìn chung gia tăng từ giai đoạn 2016 - 2018 và năm 2018 thu nhập là 20.480.000/đồng/người/tháng. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo và tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng lao động, thu hút và giữ chân nhân tài, người lao động có chuyên môn cao ở lại làm việc cùng Công ty. Công ty luôn cố gắng tạo môi trường làm việc năng động, hiện đại, chuyên nghiệp và thân thiện để người lao động có thể phát huy tối đa khả năng trong công việc cũng như học hỏi thêm kiến thức, giúp phát triển cá nhân và doanh nghiệp.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan!

Năm 2018 vừa qua, kinh tế Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 trở lại đây với 7,08% tăng trưởng trong GDP, vượt qua trung bình thế giới và được dự báo sẽ tiếp tục giữ mức tăng trưởng trên 6% trong năm 2019.

Đi kèm với sự phát triển của nền kinh tế là sự tăng lên của các vấn đề môi trường – xã hội như nghèo đói, tệ nạn, thiên tai, khoảng cách giàu – nghèo, môi trường bị phá hủy... Tuy chất lượng cuộc sống của người dân đã được cải thiện nhưng các điều kiện sinh hoạt thiết yếu như nước, điện ở các vùng nông thôn của nước ta vẫn còn nhiều hạn chế.

Phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu chiến lược hàng đầu của mọi doanh nghiệp có ý thức trách nhiệm với cộng đồng và các thế hệ tiếp nối. Phát triển bền vững được tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đặc biệt quan tâm và đã có những hướng dẫn, quy định và chế tài cụ thể để thực hiện được mục tiêu này.

Là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong đầu tư các nhà máy thủy điện quy mô vừa và nhỏ, SHP với hơn 10 năm hình thành và phát triển nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong công cuộc phát triển kinh tế – xã hội và cải thiện môi trường. Nội dung phát triển bền vững đã trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của SHP trong nhiều năm qua. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và tập thể cán bộ nhân viên SHP luôn cố gắng kết hợp mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo, gia tăng lợi ích của các bên liên quan: cổ đông, nhà đầu tư, đối tác kinh doanh, Nhà nước và cộng đồng xã hội.

SHP mong muốn tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế cũng luôn quan tâm đến mục tiêu phát triển bền vững vì đây chính là thái độ và trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, với đất nước, với các thế hệ tương lai. Và chúng tôi rất ủng hộ những nỗ lực không ngừng để thông điệp Phát triển bền vững ngày một lan truyền và được hưởng ứng một cách rộng rãi.



Đoàn Đức Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2019



Định hướng phát triển bền vững

Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của SHP

SHP xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Mục tiêu cụ thể

Lợi ích về kinh tế

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững.

Góp phần kiến tạo nền kinh tế bền vững thông qua hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Trách nhiệm xã hội

Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ.

Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên, đào tạo trình độ nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ, tin học.

Bảo vệ môi trường

Hạn chế những ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh.

Sử dụng năng lượng và nước hiệu quả, tiết kiệm.

Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.

Sử dụng nguồn vốn hiệu quả

Những năm qua, công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với công tác đóng góp ngân sách Nhà nước, thực hiện nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững và gia tăng lợi ích cổ đông, qua đó góp phần vào quá trình thúc đẩy kinh tế Việt Nam ngày một phát triển.

Nguyên liệu sản xuất

Kinh doanh đặc thù trong lĩnh vực thủy điện, SHP không phát sinh chi phí cho nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất trực tiếp vì nguyên liệu chủ yếu mà Công ty sử dụng để tạo ra sản phẩm là nước từ các sông, suối ngay tại địa phương có nhà máy thủy điện; vì vậy, chi phí đầu vào cho nguyên liệu gần như không phát sinh. Về đầu ra, sản phẩm của Công ty là năng lượng, do đó sản phẩm sau khi sản xuất được truyền tải trực tiếp vào hệ thống điện lưới quốc gia, không phát sinh chi phí bao bì đóng gói sản phẩm.

Tiêu thụ năng lượng

SHP sử dụng nguồn nước đồng thời là nguồn đầu vào để sản xuất điện, hiện tại SHP đầu tư tổng cộng 03 nhà máy thủy điện, chủ yếu tại khu vực Nam Tây Nguyên. Nhìn chung, hệ thống sông ở vùng Tây Nguyên có nhiều tiềm năng về thủy điện nên việc khai thác nguồn cung cấp nước cho Công ty ít gặp khó khăn. Cụ thể, nguồn cung cấp nước cho SHP là phụ lưu sông Đồng Nai và các nhánh suối khác thuộc lưu vực Sông Đồng Nai. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình thủy điện có thể làm thay đổi chế độ dòng chảy, gây tác động một phần môi trường tự nhiên cũng như môi trường kinh tế xã hội trong khu vực dự án.

Để vận hành các thiết bị tại nhà máy, cũng như quản lý tại các văn phòng, Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu từ điện năng. Tổng sản lượng điện dùng cho sản xuất và quản lý tại văn phòng trong năm qua là 3.417.503 kWh. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, SHP còn sử dụng một số năng lượng thiết yếu khác như xăng, dầu cho quá trình vận chuyển, gas và khí đốt,...

Là đơn vị sản xuất năng lượng, SHP ý thức được việc thực thi tiết kiệm năng lượng, không chỉ trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo lợi ích Công ty mà còn tiết kiệm trong cả quá trình quản lý với mục tiêu càng tiết giảm thất thoát là càng góp phần làm xanh môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Tình hình tiêu thụ năng lượng trong năm 2018 tại SHP với hầu hết các chỉ tiêu đều được tiết giảm thể như sau:

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2018
I	Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)	
1.	Điện dùng trong quản lý văn phòng (kWh)	30.855
-	Văn phòng Hồ Chí Minh	16.898
-	Chi nhánh	13.957
2.	Điện dùng trong sản xuất (kWh)	3.386.648
-	Điện tự dùng cho sản xuất	2.850.215
-	Điện mua dùng cho sản xuất	536.433
II	Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)	
1.	Xăng, Dầu,... trong sản xuất (lít)	430 lít
2.	Xăng, Dầu,... trong quản lý văn phòng (lít)	
	Dầu DO	21.831
	Xăng 92	10.783
3.	Tổng năng lượng tiêu thụ (40 lít khí oxy/bình)	
	Gas, Khí đốt,... trong sản xuất (40 lít khí oxy/bình)	33 bình (40lít khí/bình)

Lượng nước thu về

Các nguồn nước	Đơn vị tính	Tổng lượng nước thu về/ đạt được
Suối Đasiat: Nhà máy Đasiat	m ³	263.049.984
Suối Đa Dâng 2: Nhà máy Đa Dâng 2	m ³	1.159.826.341
Suối Đa M'Bri: Nhà máy Đa M'Bri	m ³	659.848.304
Tổng cộng:	m ³	2.082.724.629

Lượng nước sử dụng trong năm của Công ty

Loại hoạt động	Đơn vị tính	Tổng lượng nước sử dụng
Sử dụng phát điện	m ³	1.442.333.433
Nhà máy Đasiat	m ³	129.337.344
Nhà máy Đa Dâng 2	m ³	934.714.425
Nhà máy Đa M'Bri	m ³	378.281.664

Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an toàn cho người lao động

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất điện năng, với đặc thù như vậy người lao động đang làm công tác vận hành, sửa chữa phải làm những công việc thuộc danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định như: vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, thiết bị nâng, thiết bị áp lực, hàn, cắt kim loại,... môi trường làm việc có tiếng ồn lớn, nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ và bệnh nghề nghiệp rất cao. SHP chú trọng đến việc phát triển và giữ chân nguồn nhân lực trong các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên. Công tác kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động:

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ công tác an toàn vệ sinh lao động và chấn chỉnh việc thực hiện quy định an toàn an động, chế độ cấp phiếu công tác, phiếu thao tác, lệnh công tác tại các nhà máy.
- Tổ chức kiểm tra kiến thức an toàn điện định kỳ cho toàn bộ nhân sự thuộc phòng kỹ thuật sửa chữa và phân xưởng sản xuất của chi nhánh và tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm qua các tai nạn lao động trong EVN.
- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra người lao động cách kiểm tra và sử dụng các dụng cụ an toàn điện như sào thao tác, găng tay, ủng cách điện, bút thử điện, dây đai an toàn.



- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, thực hiện đầy đủ các quy định về thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Quan trắc môi trường lao động tại 3 nhà máy định kỳ và khắc phục các điểm chưa phù hợp.
- Tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm từ các sự cố cũng như đề ra các giải pháp phòng ngừa trong vận hành, không để sự cố lặp lại.



- Tổ chức diễn tập xử lý sự cố định kỳ hàng quý để kịp thời phát hiện, khắc phục các sơ hở, yếu kém cũng như để người lao động hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, thao tác của mình khi xử lý tình huống, đảm bảo mọi sự cố xảy ra đều được xử lý kịp thời và đúng quy trình.
- Đặc biệt, trong năm 2018, công ty đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác kỹ thuật an toàn sau 8 năm vận hành, đồng thời trao đổi kinh nghiệm vận hành với các đơn vị bạn trong khu vực (Công ty CP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mí, Công ty thủy điện Đồng Nai, Công ty CP Thủy điện Đồng Nai 5,...)



Công tác Phòng cháy chữa cháy

- Tổ chức cho người lao động tham gia huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và sử dụng các thiết bị và phương tiện phòng cháy chữa cháy .
- Thực hiện kiểm tra định kỳ hàng quý tình trạng làm việc của hệ thống báo cháy, tính sẵn sàng của các phương tiện, thiết bị chữa cháy tại 03 nhà máy.
- Tổ chức diễn tập phương án chữa cháy được duyệt.

Công tác bảo trì máy móc thiết bị

- Trước mùa mưa bão năm 2018 Công ty đã tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng làm việc của các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị quan trắc đập, thiết bị giám sát mực nước hồ chứa và đã duy tu, sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết.
- Tổ chức hội nghị tổng kết công tác phòng chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và kế hoạch thực hiện năm 2018 cho 3 nhà máy với sự tham gia của các huyện, xã trên địa bàn trước mùa mưa bão 2018.
- Thực hiện lắp đặt thiết bị thông báo xả lũ tại các xã hạ du nhà máy Đa M'ri.
- Trong năm đã tổ chức ứng trực vận hành xả lũ nhà máy Đa M'ri với sự tham gia của Ban lãnh đạo Công ty. Đây là đợt mưa lũ lịch sử kể từ khi đưa nhà máy vào vận hành, có thời điểm lưu lượng nước về lên đến 205 m³/s.

Sáng kiến mới

- Trong năm, người lao động đã có 10 sáng kiến mới.
- Công ty đã xét công nhận 10/10 sáng kiến với tổng số tiền khen thưởng 105.000.000 đồng.

Trách nhiệm xã hội

SHP hiểu rằng việc chia sẻ thành quả kinh doanh với cộng đồng và xã hội là một trong những trách nhiệm hàng đầu của một doanh nghiệp. Trong nhiều năm qua, SHP luôn trích ra một phần trong lợi nhuận của mình để tổ chức các hoạt động từ thiện hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và trẻ em. Năm 2018, Tổng kinh phí mà SHP tài trợ cho các hoạt động tài trợ cho xã hội là 141.955.200 đồng, Cụ thể:

- Ngày 05/02/2018, tại trụ sở UBND xã Phước Lộc thuộc huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã trao tặng 56 phần quà, mỗi phần quà trị giá 2.000.000 đồng cho 28 hộ nghèo và 28 hộ cận nghèo thuộc xã Phước Lộc, với mong muốn được chia sẻ, mang lại không khí Tết nguyên đán vui tươi, ấm áp tới các hộ có hoàn cảnh khó khăn.
- Bên cạnh đó, để hỗ trợ các mầm non tương lai của Đất nước có một mùa trung thu đầy đủ, sung túc. Năm 2018, SHP đã ủng hộ xã Phước Lộc tổ chức Trung Thu năm 2018 cho các bé thiếu nhi trong địa bàn.
- Năm 2018, Đoàn Thanh niên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã kêu gọi và thu hút được một lượng lớn cán bộ, đoàn viên tham gia hiến máu với thông điệp “SHP- Chung tay vì sự sống”.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2018, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.

Hàng năm, Công ty tham gia bảo vệ rừng đầu nguồn, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy thủy điện của Công ty, thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí dịch vụ bảo vệ rừng theo đúng quy định của pháp luật.

Các nhà máy thủy điện của SHP ngoài việc sản xuất và cung cấp điện năng còn có vai trò điều tiết dòng chảy các sông suối trên địa bàn đặt các nhà máy. Đặc biệt, nhà máy Đa Dâng 2 có hệ thống kênh dẫn nước dài 2,3 km của tuyến năng lượng chạy ngang vùng sản xuất nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu canh tác 400 ha trên tổng số 1.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Tân Thành – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng. SHP đã xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM) của Ủy ban biến đổi khí hậu Liên Hiệp Quốc, SHP đã đăng ký thành công cả 03 nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M’bri thành các dự án theo cơ chế phát triển sạch.



Trách nhiệm với người lao động

- Nhân kỷ niệm ngày Truyền thống ngành điện năm 2018, Công đoàn Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã đăng cai tổ chức giải bóng đá mini cho cán bộ công nhân viên.
- Giải đấu tổ chức nhằm tạo sân chơi, vui khỏe lành mạnh cho Cán bộ Công nhân viên, nâng cao hiệu quả rèn luyện thể chất, thắt chặt tình đoàn kết, nâng cao trí lực, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần, tăng khả năng làm việc nhóm của cán bộ công nhân viên.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Hiện tại công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai





Về tình hình hình hoạt động tại các nhà máy thủy điện của Công ty

Năm 2018 là một năm thời tiết không được thuận lợi với ngành thủy điện do hạn hán đến sớm, lượng mưa vào các hồ chứa ít hơn so với mọi năm; Tuy nhiên, nhờ nỗ lực trùng tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị và khai thác tối đa vào giờ cao điểm, số giờ chạy máy bình quân của 3 nhà máy vượt nhiều so với thiết kế và đạt được những thành quả kinh doanh nhất định:

01

- Sản lượng điện sản xuất của 3 nhà máy như sau
Đa M'brì: 366,9 triệu kWh bằng 101,4% kế hoạch
Đa Dâng 2: 196,1 triệu kWh bằng 106,0% kế hoạch
Đa Siat: 73,6 triệu kWh bằng 109,9% kế hoạch

02

- Số giờ chạy máy bình quân 3 nhà máy như sau:
Đa M'brì: 4.819h/theo thiết kế 4.509h.
Đa Dâng 2: 5.767h/theo thiết kế 4.474h
Đa Siat: 5.451h/theo thiết kế 4.396h

03

- Doanh thu thu được từ 3 nhà máy như sau:
Đa M'brì: 374,4 tỷ đồng bằng 99,6% kế hoạch
Đa Dâng 2: 162,6 tỷ đồng bằng 115,3% kế hoạch
Đa Siat: 82,3 tỷ đồng bằng 112,7% kế hoạch

Về dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2

Cùng với chủ trương của Nhà nước khuyến khích đầu tư các nguồn điện, đặc biệt là năng lượng sạch, tận dụng những diện tích đất bãi thải, khu phụ trợ đã được đền bù của dự án Đa Dâng 2, tận dụng diện tích mặt nước, vùng bán ngập, kênh dẫn nước, Công ty đã thuê Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 nghiên cứu lập Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 với qui mô công suất lắp đặt khoảng 15,8MWp.

Ngày 08/01/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản số 101/UBND-MT trình Bộ Công thương về việc bổ sung quy hoạch nhà máy thủy điện mặt trời Đa Dâng 2 trên địa bàn các huyện Đức Trọng và Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Về việc thẩm định/phê duyệt tại Bộ Công thương (hồ sơ Công ty Nộp từ tháng 01/2018) kéo dài nhưng vẫn chưa có kết quả.

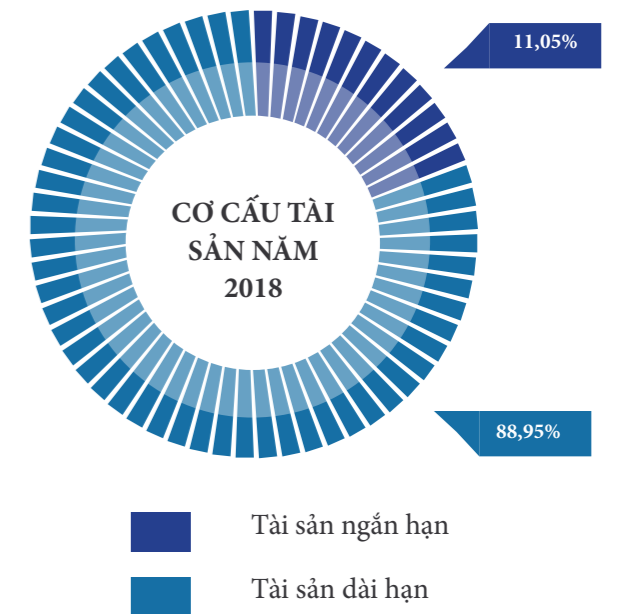
Thời điểm tháng 06/2019 đang đến gần và dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2 không đáp ứng tiến độ hoàn thành trước tháng 06/2019 để hưởng cơ chế giá 9,35 Cents/kWh. Cơ chế giá cho giai đoạn sau tháng 06/2019 chưa có do đó chưa đánh giá được tính hiệu quả của dự án.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018	Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ VNĐ	240,63	255,41	6,14
Tài sản dài hạn	Tỷ VNĐ	2.232,45	2.056,87	(7,86)
Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	2.473,07	2.312,28	(6,50)

Tổng tài sản và tài sản dài hạn trong năm 2018 lần lượt giảm 6,50% và 7,86% trong khi tài sản ngắn hạn tăng 6,14% so với năm 2017. Vì tài sản ngắn hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản của SHP nên sự gia tăng của khoản mục này không gây ra nhiều tác động lên biến động của tổng tài sản.

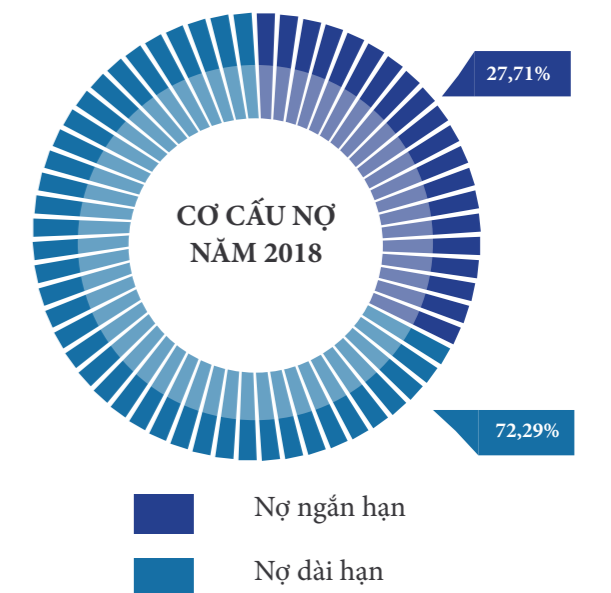
Trong đó, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tổng tài sản (năm 2017, tài sản dài hạn chiếm 90,27% và năm 2018, tài sản dài hạn chiếm 88,95%) do đặc trưng của ngành thủy điện yêu cầu đầu tư ban đầu lớn, chủ yếu là đập thủy điện, máy móc, thiết bị.



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Tỷ VNĐ	238,50	298,67	25,23
Nợ dài hạn	Tỷ VNĐ	1.017,51	779,36	(23,41)
Tổng nợ phải trả	Tỷ VNĐ	1.256,01	1.078,03	(14,17)

Tổng nợ của SHP vào thời điểm cuối năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tổng nợ giảm 14,17% so với năm 2017. Trong đó nợ dài hạn giảm từ 1.017,51 tỷ đồng xuống còn 779,36 tỷ vào thời điểm cuối năm. Nguyên nhân do khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013 đã được tất toán.



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2018

Về công tác ISO

Trong năm 2018, với sự nỗ lực và quyết tâm thực hiện, xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Công ty đã rà soát và ban hành các tài liệu hệ thống theo quy định của tiêu chuẩn ISO, tổ chức 02 cuộc đánh giá nội bộ về tất cả các mặt công tác chuyên môn trong quản lý, vận hành, sản xuất kinh doanh tại văn phòng Công ty, văn phòng Chi nhánh và 03 nhà máy tại Lâm Đồng. Công ty cũng đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TÜV RHEINLAND Việt Nam (TUV) để thực hiện việc đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng. Kết quả qua 02 đợt khảo sát và đánh giá chứng nhận, ngày 19/12/2018, Công ty đã được TUV cấp Chứng chỉ chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công tác Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Công ty đã hoàn thành việc xây dựng các phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập, phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập của 03 Nhà máy, quy chế phối hợp trong công tác Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giữa Ban chỉ huy Công ty với các địa phương trong đó có cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế năm 2018 và được các Bộ, Ngành liên quan phê duyệt ban hành. Thực hiện việc báo cáo hiện trạng an toàn đập của 03 Nhà máy gửi đến Sở Công thương Lâm Đồng và Bộ Công Thương đối với Nhà máy thủy điện Đa M' Bri.



Tình hình vận hành, xử lý sự cố các nhà máy

Nhà máy Đa M' Bri

Trong năm có 13 lần sự cố dẫn đến dừng máy:

- Sự cố do thiết bị: xảy ra 5 lần sự cố, thời gian dừng máy 302,0h. Trong đó: 2 lần do bụi than từ chổi than làm ngắn mạch rotor tổ máy H2, đã thực hiện thay các thanh đỡ cách điện, sứ cách điện, vệ sinh tổng thể các vành góp. Đến nay thiết bị vận hành ổn định; 1 lần do đồng hồ nhiệt độ làm việc không tin cậy, 1 lần do role lưu lượng tác động sai, 1 lần sự cố chân đế servo đồng mở van cầu.

- Sự cố do đường dây 110kV: xảy ra 8 lần sự cố, thời gian dừng máy 21,7h. Trong đó: 7 lần do sét đánh (6 lần từ lưới của đơn vị ngoài), 1 lần do lâm tặc chặt cây làm ngã vào đường dây.

Trong năm đã phối hợp với Cao thế Lâm Đồng, Công ty lưới điện cao thế Miền Nam kiểm tra, đánh giá tình hình vận hành đường dây 110kV, đo đặc tiếp địa các vị trí trụ.

Nhà máy Đa Dâng 2

Trong năm có 6 lần sự cố dẫn đến dừng máy:

- Sự cố do thiết bị: xảy ra 6 lần sự cố, thời gian dừng máy 286,8h. Trong đó 1 lần cháy bạc do thiếu dầu, 1 lần do cuộn dây cao áp TU phía 11kV giảm cách điện, 3 lần do gối Turbine tổ máy H2, 1 lần gãy bulong nắp đậy nối trục bánh xe công tác H1.

- Sự cố do đường dây 110kV: Không xảy ra sự cố nào.

Nhà máy Đa Siat

Trong năm có 29 lần sự cố dẫn đến dừng máy:

- Sự cố do thiết bị: xảy ra 3 lần sự cố, thời gian dừng máy 6,5h. Trong đó 1 lần do hư cuộn trip MC 601, 1 lần do hư Accu của hệ thống Accu, 1 lần do đứt dây tín hiệu đầu đo nhiệt độ gối máy phát tổ máy H2.

- Sự cố do đường dây 22kV: xảy ra 26 lần sự cố, thời gian dừng máy 67,7h. Trong đó chủ yếu do sét đánh, một số lần chưa xác định được nguyên nhân. Sau các năm triển khai nhiều giải pháp để hạn chế sự cố đường dây, đến nay sự cố đã giảm đáng kể, năm 2018 có 26 lần so với cùng kỳ 57 lần.





Nhận định tình hình năm 2019

Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam được dự báo không còn tăng trưởng với tốc độ cao như năm 2018 nhưng vẫn sẽ giữ được mức tăng GDP cao hơn trung bình thế giới và sự ổn định của các yếu tố kinh tế vĩ mô. Điều này tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam.

Theo dự báo của trung tâm dự báo khí tượng thủy văn trung ương, tình hình khô hạn, thiếu nước cục bộ khả năng xảy ra tại các tỉnh Tây Nguyên từ tháng 04 đến tháng 06. Tổng lượng mưa từ cuối tháng 03 đến tháng 05 năm 2019 phổ biến ở mức thấp hơn so với giá trị Trung bình nhiều năm. Từ tháng 06 đến tháng 08 tổng lượng mưa trên khu vực phổ biến ở mức xấp xỉ với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Thời điểm bắt đầu mùa mưa ở Tây Nguyên có khả năng muộn hơn so với trung bình nhiều năm (khoảng nửa đầu tháng 5).

Tuy điều kiện thủy văn không thuận lợi, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ công nhân viên và cùng sự chỉ đạo của Ban điều hành kỳ vọng sẽ giúp SHP hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (*)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019
1	Tổng sản lượng	Triệu kWh	607,0
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	595,8

(*) Kế hoạch dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019



Kế hoạch sản lượng - doanh thu

Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2019 như sau:

- Tổng sản lượng: 607,0 triệu kWh.
- Tổng doanh thu phát điện: 595,57 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước). Trong đó:

Nhà máy Đa M' Bri:

- Sản lượng điện: 354,0 triệu kWh (tương đương 105% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2014-2018 (369,7 triệu kWh), có xét đến mực nước hồ đến cuối năm 2018 ở mức 606m).
- Doanh thu: 367,57 tỷ đồng.

Nhà máy Đa Dâng 2:

- Sản lượng điện: 186,0 triệu kWh (tương đương 123% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2011-2018).
- Doanh thu: 153,31 tỷ đồng.

Nhà máy Đasiat:

- Sản lượng điện: 67,0 triệu kWh (tương đương 120% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2011-2018).
- Doanh thu: 74,69 tỷ đồng.

Căn cứ để hoàn thành kế hoạch:

- Đội ngũ điều hành và người lao động Công ty ngày càng có kinh nghiệm, tay nghề được nâng cao.
- Thiết bị các nhà máy được bảo trì, sửa chữa đúng hạn. Các thông số kỹ thuật sau sửa chữa đạt yêu cầu, đảm bảo an toàn trong vận hành.
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát để giảm sự cố và thời gian dừng máy.
- Triển khai dự án điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 sau khi được Bộ Công thương bổ sung quy hoạch.
- Vận hành hồ chứa và công tác Phòng chống thiên tai tại và tìm kiếm cứu nạn có kế hoạch, thiết lập các quy trình, phương án, tổ chức diễn tập để phòng ngừa, giảm thiểu tối đa thiệt hại khi có sự kiện xảy ra.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Thủy điện Miền Nam, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

Năm 2018, là một năm khó khăn đối với Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam, kế hoạch sản xuất do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua cao hơn các năm trước và vượt sản lượng thiết kế, trong khi các tháng đầu năm nhà máy thủy điện Đa M'brì chưa ký được hợp đồng mua bán điện nên theo quy định ít được huy động, ngoài ra các nhà máy sau nhiều năm hoạt động đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết và phát sinh sự cố. Trong năm xảy ra mưa, lũ lớn so với các năm trước đã làm ngập lụt hạ du và gây hư hại các đường giao thông do Công ty quản lý, mưa lũ dồn dập và hạn hán đến sớm trên lưu vực lòng hồ Đa M'brì, cuối năm Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chủ trương khai thác tối đa các nguồn thủy điện đã làm vỡ kế hoạch sản xuất dự kiến của Công ty cũng như chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất năm 2019.

Mặc dù hạn hán đến sớm, nhưng tính chung cả năm nước về các hồ vẫn cao hơn số liệu thiết kế, sản lượng điện phát 03 nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

Giá thị trường điện bình quân năm 2018 cao hơn năm 2017, nhờ đó doanh thu bán điện tăng thêm của nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'brì 15,5 tỷ đồng so với giá hợp đồng.

Lợi nhuận sau thuế vượt cao so với kế hoạch đề ra. Cụ thể

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH/KH
Tổng sản lượng	Triệu Kwh	614,0	636,6	103,7
Doanh thu thuần	Triệu đồng	590,6	619,3	104,9
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	155,4	187,5	120,7

Đánh giá về công tác sửa chữa, vận hành các nhà máy

Công tác trùng đại tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường dây thực hiện hoàn tất trong những tháng mùa khô đầu năm, tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực duy trì vận hành ổn định 3 nhà máy, tận dụng tối đa nước về, khai thác tối đa vào giờ cao điểm, số giờ chạy máy bình quân 3 nhà máy vượt nhiều so với thiết kế:

Đa M'brì: 4.819h/theo thiết kế 4.509h.

Đa Dâng 2: 5.767h/theo thiết kế 4.474h.

Đa Siat: 5.451h/theo thiết kế 4.396h.

Công tác chi trả cổ tức

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2017 với mức chi trả là 1.700 đồng/cổ phần cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

- Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty để thực hiện theo đúng phân cấp và nhiệm vụ được giao.
- Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng giám đốc đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị kịp thời để tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Với kết quả năm 2018 đạt mức lợi nhuận sau thuế 187,5 tỷ đồng (vượt 20,7% kế hoạch lợi nhuận năm 2018), Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh: Trong bối cảnh tình hình biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị đánh giá năm 2019 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức đối với Công ty. Công ty sẽ tập trung củng cố công tác vận hành phát điện tại 03 nhà máy; tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đôn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy đi vào sản xuất trở lại, giúp ổn định doanh thu và tiết kiệm chi phí.

Về đầu tư dự án năng lượng tái tạo mới: Công ty thực hiện trình Bộ Công thương phê duyệt bổ sung quy hoạch Dự án điện mặt trời tại khu vực nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, đồng thời tiến hành xem xét, đánh giá các chỉ tiêu tài chính, phương án huy động vốn của Dự án để quyết định đầu tư. Bên cạnh đó sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo khác.

Về quản trị Công ty: Công ty sẽ tiến hành rà soát để thực hiện và tuân thủ các quy định về quản trị đối với công ty niêm yết theo quy định mới tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, chỉ phân công từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực chuyên môn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tiến hành 08 cuộc họp.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%	
2	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	8/8	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	8/8	100%	
4	Ông Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT	8/8	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	8/8	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành

Trong năm 2018, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám Đốc như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý của năm 2018 và Báo cáo thường niên năm 2017;
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2017 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2018;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 10/05/2018;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2017;
- Ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua;
- Sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2018

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/QĐ-SHP- HĐQT	14/03/2018	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự và thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2	07/NQ-SHP- HĐQT	09/04/2018	- Về việc bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT cho nhiệm kỳ IV (2017-2022): HĐQT thống nhất báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 về việc ông Lê Tuấn Hải sẽ đảm nhận vai trò thành viên độc lập HĐQT của nhiệm kỳ IV (2017-2022) và không tổ chức bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT; - Thông qua các dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; - Thông qua kế hoạch chi hoạt động năm 2018 của Công ty; - Thông qua Quỹ lương, kinh phí đóng BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn năm 2018; - Thống nhất bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty; - Giao Tổng Giám đốc thực hiện một số công tác trong quản lý và điều hành.
3	08/QĐ-SHP- HĐQT	09/04/2018	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
4	09/QĐ-SHP- HĐQT	09/04/2018	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
5	15/QĐ-SHP- HĐQT	17/04/2018	Phê duyệt kế hoạch chi hoạt động năm 2018
6	16/QĐ-SHP- HĐQT	17/04/2018	Phê duyệt Quỹ lương, kinh phí đóng BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn năm 2018.
7	21/QĐ-SHP- HĐQT	10/05/2018	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
8	22/QĐ-SHP- HĐQT	10/05/2018	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
9	30/QĐ-SHP- HĐQT	28/05/2018	Chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2017.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2018 (tiếp theo)

10	34/NQ-SHP- HĐQT	04/06/2018	Giao Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị thực hiện một số công tác trong quản lý, điều hành.
11	39/QĐ-SHP- HĐQT	29/06/2018	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Thịnh do hết nhiệm kỳ kể từ ngày 01/07/2018.
12	40/QĐ-SHP- HĐQT	29/06/2018	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Thang Thanh Hà kể từ ngày 01/07/2018.
13	43/QĐ-SHP- HĐQT	02/07/2018	Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
14	47/NQ-SHP-HĐQT	23/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và phê duyệt Quỹ lương Tổng Giám đốc năm 2018; - Thông qua trang bị bánh xe công tác dự phòng nhà máy Đa siat; Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT; - Thông qua dự thảo Quy chế quản lý tài chính; - Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 của Ban điều hành Công ty; - Giao Tổng Giám đốc và người phụ trách quản trị kiểm thư ký thực hiện một số công tác.
15	49/NQ-SHP-HĐQT	26/07/2018	Thông qua việc vay tái tài trợ tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mức vay 230 tỷ đồng (tương đương 21,61% vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018)
16	51/QĐ-SHP-HĐQT	28/08/2018	Ban hành Quy chế quản lý tài chính.
17	55/NQ-SHP-HĐQT	15/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện Quý IV/2018 của Ban điều hành Công ty; - Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT; -Giao Ban điều hành Công ty thực hiện một số công tác.
18	56/QĐ-SHP-HĐQT	15/10/2018	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
19	61/NQ-SHP-HĐQT	17/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> -Giao Ban điều hành Công ty rà soát, hiệu chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và thực hiện một số công tác khác; -Thông qua kế hoạch sửa chữa trong năm 2019.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	3/3	100%	
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	2/3	66,67%	Bận công tác
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	3/3	100%	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.
- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc triển khai, thực hiện các công việc sau:
 - Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
 - Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
 - Thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch năm 2018; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 10/05/2018; xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban kiểm soát.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2017 và thực hiện báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017 trình Đại hội cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 10/05/2018.
- Xem xét báo cáo tài chính quý I, II, III của năm 2018 và số liệu (ước tính) kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông có tỉ lệ sở hữu như quy định của Điều lệ công ty về các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của cổ đông, nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Danh sách các thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công nhận:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
2	Thang Thanh Hà	Tổng giám đốc
3	Nguyễn Vinh Châu	Phó Tổng giám đốc
4	Lê Thanh Hải	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh	Cổ đông lớn	10.015.490	10,69	10.240.490	10,93	Đầu tư

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị Công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao tháng (sau thuế TNCN)	Thưởng vượt kế hoạch SXKD của năm 2017 (sau thuế TNCN)
I Hội đồng quản trị				
1	Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	201.212.100
2	Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT (Nhiệm kỳ III)		201.212.100
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	9.000.000	241.455.600
4	Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT	9.000.000	120.726.000
5	Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	9.000.000	120.726.000
6	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	9.000.000	120.726.000
7	Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ III)		120.726.000
8	Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ III)		120.726.000
9	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ III)		120.726.000
II Ban Kiểm soát				
1	Võ Thái	Trưởng ban KS	9.000.000	51.740.100
2	Lê Thanh Hải	Trưởng ban KS (Nhiệm kỳ III)		51.740.100
3	Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	5.000.000	57.489.300
4	Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	5.000.000	57.489.300

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Expense

Non-current operating activities (NCOA)

plant, equipment

and

capital

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.030.880.337	1.256.010.600.902
I. Nợ ngắn hạn	310		298.671.880.337	238.495.600.902
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.080.619.164	1.387.440.539
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.593.008.268	14.719.419.108
3. Phải trả người lao động	314		3.665.893.773	5.842.949.675
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.286.310.970	8.379.428.086
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.946.552.670	14.476.394.700
6. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18	250.156.000.000	192.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.943.495.492	1.533.968.794
II. Nợ dài hạn	330		779.359.000.000	1.017.515.000.000
1. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	18	779.359.000.000	1.017.515.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.234.244.835.423	1.217.062.795.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.234.244.835.423	1.217.062.795.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	9.805.643.551
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		268.811.921.925	270.155.151.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		81.296.906.693	84.902.452.141
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		187.515.015.232	185.252.699.473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.312.275.715.760	2.473.073.396.067

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
ngày 26 tháng 7 năm 2018
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	21	619.287.153.031	619.949.922.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.986.190.668
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		619.287.153.031	616.963.731.645
4. Giá vốn hàng bán	11	22	309.274.812.543	302.130.314.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		310.012.340.488	314.833.416.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	928.299.859	867.229.656
7. Chi phí tài chính	22	25	89.772.625.632	97.535.510.263
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.772.625.632	97.533.940.288
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.913.077.502	25.734.157.959
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		197.254.937.213	192.430.978.260
10. Thu nhập khác	31		203.272.728	648.614.754
11. Chi phí khác	32		9.266.364	1.422.940.000
12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		194.006.364	(774.325.246)
13. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		197.448.943.577	191.656.653.014
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	9.933.928.345	6.403.953.541
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		187.515.015.232	185.252.699.473
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.884	1.859

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
ngày 26 tháng 7 năm 2018
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	197.448.943.577	191.656.653.014
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	184.801.759.461	187.252.912.353
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(928.299.859)	(829.087.300)
Chi phí lãi vay	06	89.772.625.632	97.533.940.288
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	471.095.028.811	475.614.418.355
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.264.805.303)	23.713.664.619
Tăng hàng tồn kho	10	(656.087.232)	(1.146.638.237)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	6.139.554.870	(17.328.270.732)
Giảm chi phí trả trước	12	1.028.703.365	3.550.026.342
Tiền lãi vay đã trả	14	(92.860.842.528)	(96.909.056.955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.774.878.844)	(6.424.891.892)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.616.108.276)	(4.665.908.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	360.090.564.863	376.403.343.100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.728.904.445)	(9.076.178.778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.821.364.689
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	928.299.859	829.087.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.800.604.586)	(4.425.726.789)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	217.000.000.000	142.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(397.156.000.000)	(292.156.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(158.097.326.700)	(139.428.862.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(338.253.326.700)	(289.584.862.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	9.036.633.577	82.392.753.811
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	130.626.127.825	48.233.374.014
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	139.662.761.402	130.626.127.825

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
ngày 26 tháng 7 năm 2018
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 với mã chứng khoán là SHP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 122 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 123 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở), đào tạo nghề, bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	103.985.956	156.306.969
Tiền gửi ngân hàng	79.558.775.446	110.469.820.856
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	20.000.000.000
	139.662.761.402	130.626.127.825

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất được hưởng là 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán Điện	86.710.116.236	91.279.978.103
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.324.206.042	8.340.017.331
	94.034.322.278	99.619.995.434

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng điện 1	146.943.035	146.943.035
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	285.670.000	285.670.000
Ban Đền Bù Giải Phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	330.955.900
Trung tâm Thông tin – Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng	140.000.000	140.000.000
Công ty CP ĐT & XD Hoàng Nhân	-	667,774,738
Khác	413,364,400	665,158,000
	1.316.933.335	2.236.501.673

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu hộ thuế thu nhập cá nhân	106.588.620	77.727.798
- Tạm ứng cho nhân viên	52.067.000	140.084.125
- Công ty Mua bán điện (i)	7.859.261.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (i)	927.909.000	-
- Phải thu khác	472.184.118	329.862.200
	9.418.009.738	547.674.123
b. Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ dài hạn	444.394.875	444.394.875
	444.394.875	444.394.875

(i) Phải thu khác từ Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thể hiện các khoản phải thu lại tiền nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện dự phòng cho các khoản công nợ phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho nào cần lập dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.801.947	44.469.219
- Khác	123.394.298	112.650.769
	169.196.245	157.119.988
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	376.276.063	593.093.809
- Chi phí sửa chữa lớn (i)	5.974.690.198	9.314.860.156
- Khác	57.708.334	22.701.387
	6.408.674.595	9.930.655.352

(i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện:

- Chi phí sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 đã hoàn thành và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn nhà máy Đam'ri đã hoàn thành trong năm và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	2.379.111.128.250	699.785.458.276	4.919.405.058	734.992.041	3.084.550.983.625
Tăng trong năm	18.720.105.714	751.818.364	-	193.480.909	19.665.404.987
Tại ngày cuối năm	2.397.831.233.964	700.537.276.640	4.919.405.058	928.472.950	3.104.216.388.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	529.832.870.608	337.771.128.639	4.557.993.217	545.302.164	872.707.294.628
Khấu hao trong năm	108.475.856.873	76.057.780.832	97.058.628	74.596.472	184.705.292.805
Tại ngày cuối năm	638.308.727.481	413.828.909.471	4.655.051.845	619.898.636	1.057.412.587.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.849.278.257.642	362.014.329.637	361.411.841	189.689.877	2.211.843.688.997
Tại ngày cuối năm	1.759.522.506.483	286.708.367.169	264.353.213	308.574.314	2.046.803.801.179

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm các nhà máy, máy móc và thiết bị tại các nhà máy Đasiat, Đa Dâng 2 và Đamb'ri với tổng giá trị còn lại là 2.035.246.937.704 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.038.231.928.317 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.190.776.981 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.906.530.981 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm và cuối năm	2.719.863.637	319.400.000	3.039.263.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	131.653.036	131.653.036
Khấu hao trong năm	-	96.466.656	96.466.656
Tại ngày cuối năm	-	228.119.692	228.119.692
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.719.863.637	187.746.964	2.907.610.601
Tại ngày cuối năm	2.719.863.637	91.280.308	2.811.143.945

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đambri	-	5.399.033.554
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	252.000.000	-
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đasiat	130.830.000	1.660.191.708
Chi phí khác	18.080.000	261.034.228
	400.910.000	7.320.259.490

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
Phải trả bên thứ ba				
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh	328.498.660	328.498.660	214.148.000	214.148.000
Công ty TNHH -Thương mại Dịch vụ Đức Tâm	-	-	189.517.730	189.517.730
Công ty TNHH Kỹ Thuật Hesco	756.492.000	756.492.000	-	-
Khác	995.628.504	995.628.504	983.774.809	983.774.809
	2.080.619.164	2.080.619.164	1.387.440.539	1.387.440.539

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	3.977.489.868	61.026.544.957	(61.121.956.348)	3.882.078.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.015.679.177	9.933.928.345	(8.774.878.844)	3.174.728.678
Thuế tài nguyên	3.515.717.424	54.764.216.635	(55.324.874.951)	2.955.059.108
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.749.308.792	22.915.895.724	(21.434.227.136)	6.230.977.380
Thuế thu nhập cá nhân	461.223.847	3.220.709.718	(3.023.363.940)	658.569.625
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	8.787.170.000	(5.095.575.000)	3.691.595.000
Thuế khác	-	16.901.136	(16.901.136)	-
	14.719.419.108	160.665.366.515	(154.791.777.355)	20.593.008.268

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện ĐamBri	2.358.000.000	2.358.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	2.742.616.438	5.830.833.334
Chi phí khác	185.694.532	190.594.752
	5.286.310.970	8.379.428.086

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	14.848.358.800	13.638.345.500
Phải trả nhân viên Công ty	48.075.330	791.439.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.118.540	46.610.000
	14.946.552.670	14.476.394.700

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Các khoản vay dài hạn sẽ thanh toán trong vòng 1 năm		Tổng
	VND	VND	
Tại ngày đầu năm			
- Giá trị	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000
- Số có khả năng trả nợ	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000
Trong năm			
- Tăng	455.156.000.000	217.000.000.000	672.156.000.000
- Giảm	(397.156.000.000)	(455.156.000.000)	(852.312.000.000)
Tại ngày cuối năm			
- Giá trị	250.156.000.000	779.359.000.000	1.029.515.000.000
- Số có khả năng trả nợ	250.156.000.000	779.359.000.000	1.029.515.000.000

Chi tiết các khoản vay:

	Lãi suất %/năm	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	9,3%	510.000.000.000	791.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng (ii)	6,9%	220.515.000.000	286.671.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iii)	7,5%	299.000.000.000	132.000.000.000
		1.029.515.000.000	1.209.671.000.000

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Hợp đồng sửa đổi bổ sung 03-0043/ĐTDU/13CD ngày 23 tháng 5 năm 2016. Khoản vay này đã tất toán bằng khoản vay tái tài trợ của Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số BC/SBHVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 07 năm 2018.

Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện ĐamBri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02-0028/ĐTDU/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng +1%/năm cho năm thứ 2, và 2,5%/năm cho năm thứ 3 trở đi. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9,3%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6,9%/năm.

(iii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hai hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HDTD/SHP/201707 ngày 01 tháng 08 năm 2017, hạn mức tín dụng là 142 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 3 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong suốt thời hạn vay. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đa Dâng 2 tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH130648 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 01 tháng 3 năm 2012.

Hợp đồng tín dụng số BC/SBHVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 07 năm 2018, hạn mức tín dụng là 217 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 7 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong 3 năm đầu tiên. Hết thời hạn cố định lãi suất, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, theo từng kỳ hạn trả lãi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đasiat tại tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE970398 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 16 tháng 01 năm 2012. Khoản vay này là khoản vay tái tài trợ cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	250.156.000.000	192.156.000.000
Trong năm thứ hai	212.156.000.000	238.156.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	448.203.000.000	540.359.000.000
Sau năm năm	119.000.000.000	239.000.000.000
	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(250.156.000.000)	(192.156.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	779.359.000.000	1.017.515.000.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	937.102.000.000	-	240.176.217.468	1.177.278.217.468
Lợi nhuận trong năm	-	-	185.252.699.473	185.252.699.473
Cổ tức công bố	-	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Phân phối quỹ	-	9.805.643.551	(14.708.465.327)	(4.902.821.776)
Số dư đầu năm nay	937.102.000.000	9.805.643.551	270.155.151.614	1.217.062.795.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	187.515.015.232	187.515.015.232
Cổ tức công bố	-	-	(159.307.340.000)	(159.307.340.000)
Phân phối quỹ	-	18.525.269.947	(29.550.904.921)	(11.025.634.974)
Số dư cuối năm nay	937.102.000.000	28.330.913.498	268.811.921.925	1.234.244.835.423

Theo Nghị quyết số 20/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

- Trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 18.525.269.947 đồng (tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế), 9.262.634.974 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế) và 1.763.000.000 đồng (tương ứng với 5% mức lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch);
- Chia cổ tức với tỷ lệ 17% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng với số tiền 159.307.340.000 đồng.

Công ty đã thông báo thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 05 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	102.404.900.000	10,69	100.154.900.000	10,69
Các cổ đông khác	376.853.520.000	40,45	379.103.520.000	40,45
	937.102.000.000	100	937.102.000.000	100

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 21 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán điện trong năm.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của điện đã bán trong năm.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, công cụ	2.446.925.577	3.459.268.214
Chi phí nhân công	44.141.797.508	42.510.817.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.801.759.461	187.252.912.353
Chi phí thuế tài nguyên	54.764.216.635	57.649.774.913
Phí dịch vụ môi trường rừng	22.915.895.724	14.821.009.932
Chi phí khác	24.117.295.140	22.170.689.690
	333.187.890.045	327.864.472.778

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	89.772.625.632	97.533.940.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.569.975
	89.772.625.632	97.535.510.263

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	14.543.019.877	14.741.745.403
Chi phí thuê văn phòng	2.132.728.200	1.970.938.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.072.246	607.727.090
Khác	6.751.257.179	8.413.747.229
	23.913.077.502	25.734.157.959

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	197.448.943.577	191.656.653.014
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>987.116.582</i>	<i>1.164.607.066</i>
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	198.436.060.159	192.821.260.080
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	<i>-</i>	<i>64.742.189.244</i>
<i>Thu nhập tính thuế ở mức thuế suất ưu đãi 5%</i>	<i>198.678.566.877</i>	<i>128.079.070.836</i>
<i>Lỗi tính thuế ở mức thuế suất thông thường 20%</i>	<i>(242.506.718)</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	9.933.928.345	6.403.953.541

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, hai nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2010, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2013, từ năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hai dự án. Riêng nhà máy thủy điện Đambri, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2017, từ năm 2018 là năm đầu tiên nhà máy này được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tạm tính theo kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành có thể thay đổi theo những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	187.515.015.232	185.252.699.473
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	10.983.422.671	11.025.634.974
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	176.531.592.561	174.227.064.499
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.884	1.859

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và 5% mức lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Tỷ lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 20/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm trước được tính toán lại dựa trên số liệu cuối cùng được phê duyệt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng theo Nghị quyết này.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.132.728.200</u>	<u>1.970.938.237</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.346.001.020	2.346.001.020
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.075.250.468	3.421.251.487
Sau năm năm	<u>8.851.304.293</u>	<u>8.851.304.293</u>
	12.272.555.781	14.618.556.800

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất tại Tỉnh Lâm Đồng và thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 141/HD-TĐ ngày 24 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 với diện tích 595.921 m² tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng và các xã Tân Hà, Tân Văn, huyện Lâm Hà. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2007. Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2025. Tổng số tiền được miễn là 4.816.953.092 đồng.

- Hợp đồng thuê đất số 137/HĐ-TĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat với diện tích 2.612.029 m² tại huyện Bảo Lâm. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2006.

Hợp đồng thuê đất số 13/HĐ-TĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đambri với diện tích 3.036,04 m² tại huyện Đạ Huoai. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2008.

Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện Đambri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2024. Tổng số tiền được miễn là 7.108.898.126 đồng.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 425 m², đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2020.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	130.626.127.825
Nợ thuần	889.852.238.598	1.079.044.872.175
Vốn chủ sở hữu	1.235.349.979.872	1.217.062.795.165
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,72	0,89

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	130.626.127.825
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.537.297.691	100.164.618.107
	243.200.059.093	230.790.745.932

Công nợ tài chính

Các khoản vay	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	16.979.096.504	15.072.396.039
Chi phí phải trả	5.286.310.970	8.379.428.086
	1.051.780.407.474	1.233.122.824.125

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 7.190.000.000 đồng (năm 2017: 10.776.710.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung, là các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty cũng thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại Thuyết minh số 3).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	-	-	139.662.761.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.092.902.816	444.394.875	-	103.537.297.691
	242.755.664.218	444.394.875	-	243.200.059.093
Các khoản vay	250.156.000.000	660.359.000.000	119.000.000.000	1.029.515.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	16.979.096.504	-	-	16.979.096.504
Chi phí phải trả	5.286.310.970	-	-	5.286.310.970
	272.421.407.474	660.359.000.000	119.000.000.000	1.051.780.407.474
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.665.743.256)	(659.914.605.125)	(119.000.000.000)	(808.580.348.381)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.626.127.825	-	-	130.626.127.825
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.720.223.232	444.394.875	-	100.164.618.107
	230.346.351.057	444.394.875	-	230.790.745.932
Các khoản vay	192.156.000.000	778.515.000.000	239.000.000.000	1.209.671.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.072.396.039	-	-	15.072.396.039
Chi phí phải trả	8.379.428.086	-	-	8.379.428.086
	215.607.824.125	778.515.000.000	239.000.000.000	1.233.122.824.125
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.738.526.932	(778.070.605.125)	(239.000.000.000)	(1.002.332.078.193)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Công ty Mua Bán Điện	Cổ đông lớn Cổ đông lớn Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"), công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn EVN, công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện	536.979.925.623	534.483.286.093
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	82.307.227.408	82.453.938.281
	619.287.153.031	616.937.224.374
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Điện lực miền Nam	77.833.408.600	68.676.537.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	17.026.333.000	15.023.235.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và thù lao	5.376.296.620	4.157.743.083

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu thương mại		
Công ty Mua Bán Điện	86.710.116.236	91.279.978.103
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.324.206.042	8.340.017.331
	94.034.322.278	99.619.995.434

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 2.742.616.438 đồng (2017: 5.830.833.334 đồng), là số tiền chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 14.848.358.800 đồng (2017: 13.638.345.500 đồng), là số tiền cổ tức phải trả phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Kiều Liên
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
 Kế toán trưởng

Thăng Thanh Hà
 Tổng Giám đốc
 Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
 ngày 26 tháng 7 năm 2018
 Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT

ngày 26 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Số điện thoại: (028) 3820 7795

Website: www.shp.vn